TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

**TRUNG TÂM ĐÀO TẠO CHUẨN ĐẦU RA**

# DANH SÁCH LỚP KỸ NĂNG MỀM - NĂM 2025

**BẮT ĐẦU HỌC: 07/01/2025**

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thứ 3 | Thứ 5 | Thứ 7 | Thứ 3 | Thứ 5 | | Thứ 3 | Thứ 5 | Thứ 7 | Thứ 3 | Thứ 5 | Thứ 3 | Thứ 5 | Thứ 7 | Thứ 3 | Thứ 5 | Thứ 3 | Thứ 5 | Thứ 7 | Thứ 3 | Thứ 5 |
| | 07/01 2025 | 09/01 2025 | 11/01 2025 | 14/01 2025 | 16/01 2025 | | 11/02 2025 | 13/02 2025 | 15/02 2025 | 18/02 2025 | 20/02 2025 | 25/02 2025 | 27/02 2025 | 01/03 2025 | 04/03 2025 | 06/03 2025 | 11/03 2025 | 13/03 2025 | 15/03 2025 | 18/03 2025 | 20/03 2025 |
| 25-KNM-18 Phòng I6-05 (18h30-20h45) | Cô Kim Thuỳ | Cô Kim Thuỳ | Cô Kim Thuỳ | Cô Kim Thuỳ | Cô Kim Thuỳ | Nghỉ tết Nguyên đán | Thầy Lê Giáo | Thầy Lê Giáo | Thầy Lê Giáo | Thầy Lê Giáo | Thầy Lê Giáo | Thầy Lê Tân | Thầy Lê Tân | Thầy Lê Tân | Thầy Lê Tân | Thầy Lê Tân | Thầy Hiếu Nghĩa | Thầy Hiếu Nghĩa | Thầy Hiếu Nghĩa | Thầy Hiếu Nghĩa | Thầy Hiếu Nghĩa |
| | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử |
| | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | K.Tra | | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | K.Tra | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | K.Tra | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 |

✱✱✱ **Yêu cầu giảng viên điểm danh đầy đủ, chính xác và nhắc nhở các trường hợp vắng nhiều.**

| STT | MÃ SV | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | KN1 ra Quyết định và Xử lý vấn đề | | | | | KN2 chuẩn bị CV và trả lời Phỏng vấn | | | | | KN3 Giao tiếp và Ứng xử | | | | | KN4 Thuyết trình và Làm việc nhóm | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT |
| 1 | 212390 | Trần Hồng | An | 15/03/2003 | Bạc Liêu | DH21QTD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | 210445 | Lê Huỳnh | Anh | 18/09/2003 | Cần Thơ | DH21KQT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | 219679 | Phan Minh | Anh | 08/03/2003 | Cần Thơ | DH21LOG01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | 199456 | Đỗ Hoàng | Chương | 02/04/2001 | Kiên Giang | DH19OTO04 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | 176908 | Ngô Việt | Cường | 26/03/1997 | Cần Thơ | DH17QTK01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | 2110047 | Nguyễn Quốc | Đạt | 19/09/2003 | Cà Mau | DH21TIN06 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | 202116 | Lê Nguyễn Kim | Dư | 23/03/2002 | Trà Vinh | DH20QTK05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | 224511 | Trần Trà | Giang | 09/05/2004 | Kiên Giang | DH22KTS01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 9 | 213867 | Đặng Thị Ngọc | Hân | 07/03/2003 | Tiền Giang | DH21KQT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 10 | 243034 | Nguyễn Thị Ngọc | Hân | 10/07/2006 | An Giang | DH24QTK03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 11 | 2110889 | Trần Trọng | Hiếu | 14/07/2003 | Hậu Giang | DH21MAR02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 12 | 212888 | Nguyễn Đức | Huân | 30/09/2003 | Kiên Giang | DH21OTO08 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 13 | 210761 | Đặng Mai | Hưng | 30/05/2003 | Hậu Giang | DH21CNT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 14 | 201082 | Đào Phúc | Khang | 09/06/2002 | Kiên Giang | DH20QTD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 15 | 213349 | Nguyễn Hoàng | Khang | 25/04/2003 | Kiên Giang | DH21OTO08 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 16 | 2110334 | Bùi Nguyên | Khánh | 26/01/2003 | Cần Thơ | DH21QTD03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 17 | 2010476 | Trần Quốc | Khánh | 24/07/2002 | Kiên Giang | DH20QTD03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 18 | 242689 | Hồ Quốc | Khiêm | 06/06/2006 | Hậu Giang | DH24QTK03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 19 | 214087 | Võ Đăng | Khoa | 01/01/2003 | An Giang | DH21CNT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 20 | 223990 | Nguyễn Thanh | Lam | 07/10/2004 | Sóc Trăng | DH22KTS01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

**TRUNG TÂM ĐÀO TẠO CHUẨN ĐẦU RA**

# DANH SÁCH LỚP KỸ NĂNG MỀM - NĂM 2025

**BẮT ĐẦU HỌC: 07/01/2025**

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thứ 3 | Thứ 5 | Thứ 7 | Thứ 3 | Thứ 5 | | Thứ 3 | Thứ 5 | Thứ 7 | Thứ 3 | Thứ 5 | Thứ 3 | Thứ 5 | Thứ 7 | Thứ 3 | Thứ 5 | Thứ 3 | Thứ 5 | Thứ 7 | Thứ 3 | Thứ 5 |
| | 07/01 2025 | 09/01 2025 | 11/01 2025 | 14/01 2025 | 16/01 2025 | | 11/02 2025 | 13/02 2025 | 15/02 2025 | 18/02 2025 | 20/02 2025 | 25/02 2025 | 27/02 2025 | 01/03 2025 | 04/03 2025 | 06/03 2025 | 11/03 2025 | 13/03 2025 | 15/03 2025 | 18/03 2025 | 20/03 2025 |
| 25-KNM-18 Phòng I6-05 (18h30-20h45) | Cô Kim Thuỳ | Cô Kim Thuỳ | Cô Kim Thuỳ | Cô Kim Thuỳ | Cô Kim Thuỳ | Nghỉ tết Nguyên đán | Thầy Lê Giáo | Thầy Lê Giáo | Thầy Lê Giáo | Thầy Lê Giáo | Thầy Lê Giáo | Thầy Lê Tân | Thầy Lê Tân | Thầy Lê Tân | Thầy Lê Tân | Thầy Lê Tân | Thầy Hiếu Nghĩa | Thầy Hiếu Nghĩa | Thầy Hiếu Nghĩa | Thầy Hiếu Nghĩa | Thầy Hiếu Nghĩa |
| | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử |
| | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | K.Tra | | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | K.Tra | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | K.Tra | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 |

✱✱✱ **Yêu cầu giảng viên điểm danh đầy đủ, chính xác và nhắc nhở các trường hợp vắng nhiều.**

| STT | MÃ SV | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | KN1 ra Quyết định và Xử lý vấn đề | | | | | KN2 chuẩn bị CV và trả lời Phỏng vấn | | | | | KN3 Giao tiếp và Ứng xử | | | | | KN4 Thuyết trình và Làm việc nhóm | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT |
| 21 | 214456 | Dương Trà | My | 30/07/2003 | Cà Mau | DH21CNT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 22 | 243402 | Ngô Thị Hoàng | Mỹ | 05/05/2006 | An Giang | DH24QTK03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 23 | 224199 | Đỗ Duy | Nam | 21/10/2004 | An Giang | DH22LKT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 24 | 219794 | Nguyễn Thùy | Nhi | 06/01/2003 | Cà Mau | DH21KTO02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 25 | 211436 | Lê Thị Huỳnh | Như | 24/08/2003 | Cần Thơ | DH21LOG01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 26 | 213728 | Nguyễn Thị Bé | Như | 01/09/2002 | Cà Mau | DH21KTO03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 27 | 211815 | Phạm Minh | Nhuận | 19/04/2003 | Kiên Giang | DH21QTD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 28 | 214443 | Lê Thành | Phát | 15/08/2003 | An Giang | DH21OTO08 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 29 | 211203 | Nguyễn Thiên | Phúc | 29/06/2003 | Đồng Tháp | DH21CNT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 30 | 211503 | Phan Quốc | Quân | 21/09/2003 | Đồng Tháp | DH21CNT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 31 | 202396 | Hoàng Văn | Sơn | 23/12/2001 | Cà Mau | DH20TIN04 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 32 | 2111075 | Hồ Thanh | Tâm | 06/04/2003 | Cần Thơ | DH21YKH08 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 33 | 2110663 | Phạm Văn | Thành | 18/12/2003 | Kiên Giang | 21QTK-TT | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 34 | 242918 | Đoàn Thị Ngọc | Thơ | 07/07/2005 | Sóc Trăng | DH24QTK03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 35 | 190778 | Hồ Thị Minh | Thư | 26/09/2001 | Tiền Giang | DH19YKH01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 36 | 213190 | Nguyễn Ngọc | Thuận | 16/02/2003 | Hậu Giang | DH21OTO08 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 37 | 226978 | Trần Hiếu | Thuận | 18/02/2004 | An Giang | DH22KMT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 38 | 213595 | Nguyễn Phan Như | Trúc | 31/08/2002 | 0 | DH21KQT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 39 | 2110608 | Phạm Thanh | Trúc | 13/09/2003 | An Giang | DH21MAR02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 40 | 219323 | Trương Trung | Trực | 02/09/2003 | Cần Thơ | DH21CNT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

**TRUNG TÂM ĐÀO TẠO CHUẨN ĐẦU RA**

# DANH SÁCH LỚP KỸ NĂNG MỀM - NĂM 2025

**BẮT ĐẦU HỌC: 07/01/2025**

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 25-KNM-18<br>Phòng I6-05<br>(18h30-20h45) | Thứ 3<br>07/01<br>2025 | Thứ 5<br>09/01<br>2025 | Thứ 7<br>11/01<br>2025 | Thứ 3<br>14/01<br>2025 | Thứ 5<br>16/01<br>2025 | Nghỉ tết Nguyên đán | Thứ 3<br>11/02<br>2025 | Thứ 5<br>13/02<br>2025 | Thứ 7<br>15/02<br>2025 | Thứ 3<br>18/02<br>2025 | Thứ 5<br>20/02<br>2025 | Thứ 3<br>25/02<br>2025 | Thứ 5<br>27/02<br>2025 | Thứ 7<br>01/03<br>2025 | Thứ 3<br>04/03<br>2025 | Thứ 5<br>06/03<br>2025 | Thứ 3<br>11/03<br>2025 | Thứ 5<br>13/03<br>2025 | Thứ 7<br>15/03<br>2025 | Thứ 3<br>18/03<br>2025 | Thứ 5<br>20/03<br>2025 |
| | Cô Kim Thuỳ | Cô Kim Thuỳ | Cô Kim Thuỳ | Cô Kim Thuỳ | Cô Kim Thuỳ | | Thầy Lê Giáo | Thầy Lê Giáo | Thầy Lê Giáo | Thầy Lê Giáo | Thầy Lê Giáo | Thầy Lê Tân | Thầy Lê Tân | Thầy Lê Tân | Thầy Lê Tân | Thầy Lê Tân | Thầy Hiếu Nghĩa | Thầy Hiếu Nghĩa | Thầy Hiếu Nghĩa | Thầy Hiếu Nghĩa | Thầy Hiếu Nghĩa |
| | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử |
| | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | K.Tra | | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | K.Tra | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | K.Tra | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 |

***** Yêu cầu giảng viên điểm danh đầy đủ, chính xác và nhắc nhở các trường hợp vắng nhiều.**

| STT | MÃ SV | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | KN1 ra Quyết định và Xử lý vấn đề | | | | | KN2 chuẩn bị CV và trả lời Phỏng vấn | | | | | KN3 Giao tiếp và Ứng xử | | | | | KN4 Thuyết trình và Làm việc nhóm | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT |
| 41 | 203857 | Danh | Trung | 24/07/2002 | Cần Thơ | DH21KTO02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 42 | 211614 | Nguyễn Tịnh | Văn | 19/05/2003 | Cà Mau | DH21CNT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 43 | 213369 | Trịnh Nguyễn Nguyên | Vẹn | 25/10/2003 | Bạc Liêu | DH21KQT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 44 | 202057 | Lê Quốc | Việt | 29/06/2002 | An Giang | DH20OTO07 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 45 | 243736 | Nguyễn Quốc | Vinh | 05/03/2006 | Kiên Giang | DH24QTK03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 46 | 225051 | Nguyễn Thị Thảo | Vy | 10/04/2004 | 0 | DH22KMT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 47 | 224892 | Nguyễn Thị Thúy | Vy | 26/02/2004 | Sóc Trăng | DH22KMT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 48 | 202369 | Trần Ngọc Tường | Vy | 17/09/2002 | Cà Mau | DH20NNA02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 49 | 219733 | Trịnh Thanh | Vy | 10/04/2003 | Sóc Trăng | 21QTK-TT | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 50 | 2010319 | Phạm Hải | Yến | 23/05/2002 | Cần Thơ | DH21LKT02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 51 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 52 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 53 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 54 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 55 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 56 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 57 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 58 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 59 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 60 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |